

Bản án số: 1137/2024/HC-PT
Ngày 30 - 9 - 2024
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 691/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 8 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2024/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2784/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A Đường số A, tổ A, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Văn X (có mặt);

Địa chỉ: Số A Đường số A, tổ A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Minh (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T:

+ Ông Phan Bá T1; Chức vụ: Phó Trưởng phòng - Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (có mặt);

Địa chỉ: Số A đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Ông Dương Thành N - Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị - Môi trường phường L, thành phố T (có mặt);

Địa chỉ: Số A đường K, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố H.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 10/6/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T có ông Nguyễn Văn X đại diện trình bày:

Bà Thông sử dụng căn nhà trên khuôn viên đất rộng 96m², tại địa chỉ A, Quốc lộ A, tổ A, khu phố E, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (tại thời điểm năm 1991 là ấp G, xã T, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vị trí thuộc thửa số 3 tờ bản đồ thứ 15 xã T (tài liệu 1995), nay thuộc thửa số 35 tờ bản đồ 15 khu phố E, phường L (tài liệu 2004).

Nguồn gốc nhà đất: Nhà đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn B, địa chỉ 97/4 đường A, khu phố C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng từ trước năm 1980. Việc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn B đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã T giao cho đứng bộ sổ bộ thuế với diện tích sử dụng 1.080 m², đất từ 1991 đến năm 1996 và ông B đã nộp thuế tại biên lai đóng thuế nông nghiệp. Năm 1999, ông B sang nhượng nhà đất cho ông Nguyễn Văn X sử dụng. Năm 2002, ông X giao toàn bộ nhà đất cho em gái là Nguyễn Thị D trông coi sử dụng. Năm 2004, bà D trả lại đất cho ông X, số còn lại là một căn nhà và đất bà D cho bà Nguyễn Thị T (là em ruột) sử dụng diện tích 96m². Tuy nhiên sau khi giao nhà đất cho bà T, ông X vẫn đứng tên dùm bà T trong hồ sơ pháp lý và bà T đã sử dụng nhà đất liên tục đến nay không có ai tranh chấp.

Ngày 18/5/2017, UBND phường L đã vô cớ đến lập biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC gán ghép cho bà T lấn chiếm đất của Trường Đại học N1 là oan uất cho bà T vì nguồn gốc nhà đất là do ông Nguyễn Văn X mua của Nguyễn Văn B có nguồn gốc từ năm 1980. Ông B sử dụng đến năm 1991 và đã được UBND xã T giao đứng bộ, sổ bộ thuế 1.080 m², theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 25/HĐBT ngày 30/3/1983 của Hội đồng Bộ trưởng quy định: “*Người đứng bộ trên bộ Sổ thuế là người được giao đất sử dụng*”, đất ông Nguyễn Văn

B sang nhượng cho ông Nguyễn Văn X là đất sử dụng hợp pháp.

Ngày 10/3/2013, UBND quận T đã ban hành Văn bản 2625/UBND thu hồi hủy bỏ Quyết định số 8033/QĐ-UB do quyết định này quy kết cho ông Nguyễn Văn X lấn chiếm đất là không đúng sự thật vì đất này ông X mua của ông Nguyễn Văn B sử dụng từ trước năm 1980 và đến năm 1991 ông B được đứng tên trong sổ bộ thuế nông nghiệp.

Tại dòng thứ 25, trang thứ 3 Văn bản 2702/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của UBND quận T về nguồn gốc đất được UBND quận T xác nhận: *“đất do ông Nguyễn Văn B sử dụng khoảng năm 1980 đến tháng 12/1999 ông Nguyễn Văn B chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn X bằng giấy tay” vị trí đất tại một phần thửa số 3 tờ bản đồ thứ 15 bộ địa chính xã T, nay là một phần thửa số 35 tờ bản đồ thứ 15, khu phố E, phường L (tài liệu 2004).* Đất nằm trong hành lang đường bộ theo Quyết định 6982/QĐ-UB ngày 30/9/1995 của UBND Thành phố H. Năm 2004, ông X cho bà T (là em gái) một phần đất. Đất này được sử dụng liên tục từ năm 1980 là phù hợp với Quyết định 6982/QĐ-UB ngày 30/9/1995 tại Điều 4 của văn bản này nêu rõ *“Cá nhân, gia đình và các tổ chức có sở hữu nhà và quyền sử dụng đất hợp pháp nằm trong lộ giới vẫn được nhà nước bảo vệ ...”* Như vậy, đất Bà T đang sử dụng có nguồn gốc do ông B sử dụng từ năm 1980, năm 1991 ông B được đứng bộ trong sổ bộ thuế nông nghiệp phù hợp với Điều 9 Nghị định 25/HĐBT *“là được giao đất sử dụng”*, là sử dụng hợp pháp không thể gọi là đất lấn chiếm.

Theo tài liệu đăng ký quyền sử dụng đất ngày 10/9/1996 và Văn bản số 1676/ĐHNL-QTVT ngày 01/6/2018 của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố H (văn bản của Trường Đại học N1 báo cáo Tòa án) thì ngày 23/01/1990 UBND tỉnh S ban hành Quyết định số 32/QĐ-UB thu hồi khu đất 71 ha giao cho Trường Đại học N1. Sau đó thay đổi địa giới hành chính giữa tỉnh Sông Bé và Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/11/2003, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 5155/QĐ-UB tiếp tục giao diện tích đất trên cho Trường Đại học Nông Lâm Thành phố N1 quản lý sử dụng. Như vậy nội dung văn bản số 1676/ĐHNL-QTVT của Trường Đại học N1 là sai sự thật, là không phù hợp với nội dung văn bản số 2697/VPĐK-KTĐC ngày 24/2/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H đã xác định đất mà bà T đang sử dụng từ năm 1984 đã thuộc địa phận xã T, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý nên không thể sau 06 năm là năm 1990 UBND tỉnh S lại ban hành Quyết định số 32/QĐ-UB ngày 23/01/1990 để giao đất cho Trường Đại học Nông Lâm Thành phố N1 rồi sau đó điều chỉnh địa giới về Thành phố Hồ Chí Minh để đến năm 2003, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 5155/QĐ-UB ngày 26/11/2003 giao cho Trường Đại học N1 quản lý sử dụng được.

Năm 2007, bà T và ông X có nhu cầu xin cấp quyền sử dụng đất, bà T đã ủy quyền cho ông X xin đo vẽ và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất

quận T kiểm tra nội nghiệp quy hoạch số Bản vẽ 8670/VPĐK-QSDD ngày 29/10/2007 xác định là đất ở. Trong đó có vị trí ông X cho bà T tại vị trí một phần thửa số 3 tờ bản đồ thứ 15 (tài liệu 1995) nay là thửa 35, tờ bản đồ thứ 15 (đính kèm bản vẽ họa đồ bàn giao đất sang nhượng của ông Nguyễn Văn B cho ông X; bản đồ do Trung tâm đo đạc Sở T4 vẽ năm 2002, bản đồ này thể hiện diện tích đất mà ông Nguyễn Văn B sang nhượng cho ông Nguyễn Văn X năm 1999 thuộc khu phố E, phường L và Bản vẽ 8670/VPĐK-QSDD đã được kiểm tra nội nghiệp).

Điều 2 của Quy định 639/XDCB quy định: “*Phần đất trống trong hành lang đường bộ người dân vẫn được sử dụng*”. Và vì thế năm 1991, UBND xã T đã giao cho ông Nguyễn Văn B đứng bộ sổ bộ thuế nông nghiệp sử dụng 1.080 m² đất (*thể hiện tại giấy xác nhận ngày 01/10/2018 của Ủy ban nhân dân phường T và sổ thứ tự 2 trang 1 sổ bộ thuế nông nghiệp áp G, xã T năm 1991*). Năm 1999, ông B sang nhượng một phần đất cho ông Nguyễn Văn X, sau đó ông X cho bà T (là em gái) sử dụng đến nay không có ai tranh chấp và phù hợp với Điều 4 Quyết định số 6982/QĐ- UBND-QLĐT ngày 30/9/1995 của UBND Thành phố H quy định lộ giới quy định: “*nhà đất đang sử dụng hợp pháp trong hành lang đường bộ tiếp tục được sử dụng...*” Vì vậy, năm 2005, tại biên bản bồi thường hỗ trợ thực hiện dự án lưới điện 110 KV, Nhà nước đã không thu hồi đất của ông Nguyễn Văn X (người cho đất bà T) mà vẫn để ông X tiếp tục sử dụng.

Tại văn bản 261/UBND của UBND phường T ngày 21/9/2018 có nội dung: “*Qua kiểm tra lưu trữ địa chính, theo sổ lưu trữ của áp G, xã T của ông Nguyễn Văn B từ năm 1991 đến 1996 thì không có năm sinh trùng với năm sinh của ông Nguyễn Văn B trong sổ bộ thuế*”. Tuy nhiên, sổ bộ thuế không ghi năm sinh.

Biên bản họp dân cư trú tại khu phố E, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/05/2018 để làm căn cứ giải quyết vụ án là không hợp pháp vì khu phố 5 có 931 hộ dân mà cuộc họp ngày 22/05/2018 chỉ có 08 người họp trong đó có 04 người thuộc cán bộ UBND phường L dự họp, 02 người là trưởng và phó khu phố E, còn hai 02 người là cán bộ Trường Đại học N1 nghỉ hưu dự họp. Vậy với số người và thành phần dự họp như trên có được xem là biên bản họp dân khu phố 5 hợp lệ làm căn cứ xác nhận nguồn gốc nhà đất giải quyết vụ án không?.

Tại Điều 9 Nghị định số 25-HĐBT ngày 30/3/1983 của Hội đồng Bộ trưởng quy định: “*người đứng tên trên sổ bộ thuế nông nghiệp là người được giao sử dụng đất*”. Vậy ông Nguyễn Văn B đứng tên tại dòng 2 trang 1 sổ bộ thuế năm 1991 của áp G, xã T có nghĩa là ông B được Nhà nước giao sử dụng đất hợp pháp chứ không thể là chiếm đất.

Tuy nhiên, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W740876 do UBND Thành phố H cấp thì đất của Trường Đại học N1 được UBND Thành phố H cấp theo Quyết định số 5155/QĐ-UB thuộc thửa 231, tờ bản đồ số 15 (theo tài liệu 1995) của Bộ địa chính xã T, còn đất mà bà T đang sử dụng là của ông Nguyễn

Văn X cho bà Thông thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 15 (theo tài liệu 1995) Bộ địa chính xã T. Do đó đất mà bà T sử dụng không liên quan gì đến đất mà UBND Thành phố H cấp cho Trường Đại học N1.

Đối với Quyết định số 5155/QĐ-UB ngày 26/11/2003 giao đất và tạm giao đất cho Trường Đại học N1 tại thửa 231, tờ bản đồ thứ 15 (TL 1995). Thửa 231 nằm hoàn toàn trong tường bao đất của Trường Đại học N1, nằm trong ranh đất của bản đồ 16993/GĐ-ĐCND, gồm hai phần:

Phần 1: Tại điều 1.2 Quyết định 5155/QĐ-UB giao đất cho Trường Đại học N2 đất thuộc thửa 231 không nằm trong lộ giới.

Phần 2: Tại Điều 1.3 Quyết định 5155/QĐ-UB giao cho trường “*tạm thời quản lý sử dụng theo hiện trạng phần đất nằm trong quy hoạch lộ giới quốc lộ A...* ”. Nội dung này của quyết định là Thành phố tạm giao sử dụng theo hiện trạng phần đất nằm trong thửa 231, nằm trong tường bao đất của Trường Đại học N1 và nằm trong bản đồ số 16993/GĐ-ĐCND chứ không phải T2 được tạm giao phần đất ngoài tường bao đất của T2. Đất mà bà T đang sử dụng thuộc thửa 03 tờ bản đồ số 15 (tài liệu 1995) là nằm hoàn toàn ngoài ranh bản đồ cấp đất 16993, nên bà T không thể chiếm đất của Trường Đại học N1.

Bà T sử dụng đất thuộc một phần thửa 3 tờ bản đồ số 15 (tài liệu 1995) nay là một phần thửa 35 tờ bản đồ số 15 (TL2004) là sử dụng đất hợp pháp không lấn chiếm của ai, không lấn chiếm của Trường Đại học N1, không lấn chiếm hành lang đường bộ thể mà UBND quận T đã ban hành Quyết định số 4364/QĐ-KPHQ và Quyết định cưỡng chế số 2895/QĐ-CCXP để thực hiện cưỡng chế nhà đất của bà T là oan uất cho bà T, vi phạm Điều 9 Nghị định số 25 - HDBT ngày 30/3/1983 của Hội đồng Bộ trưởng và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Từ những lý do trên, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2895/QĐ-CCXP ngày 28/5/2020 của Chủ tịch UBND quận T.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Phan Bá T1 và ông Dương Thành N trình bày:

1. Vị trí - Diện tích khu đất

Khu đất 96m² thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 15 - theo tài liệu năm 2004, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nguồn gốc, pháp lý sử dụng khu đất

2.1 Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất

Đất lộ giới đường Q (nay là Quốc lộ A) do Nhà nước trực tiếp quản lý. Ngày 26/11/2003, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 5155/QĐ-UB giao cho Trường Đại học N1 tạm thời quản lý, sử dụng theo hiện trạng phần đất nằm trong

quy hoạch lộ giới Quốc lộ A, cho đến khi Nhà nước triển khai thực hiện quy hoạch.

2.2 Về thông tin của khu đất theo sổ bộ.

Theo Văn bản số 2697/VPĐK-KTĐC ngày 24/02/2016 của Văn phòng Đ về cung cấp thông tin, tài liệu đăng ký tại khu đất tổ A, 11, khu phố E, phường L, quận T, quá trình đăng ký như sau:

Theo Sổ địa bộ trước năm 1975: thuộc Đông Hòa xã (tỉnh Bình Dương).

Theo Tài liệu 299/TTg: Khu đất thuộc một phần thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 7.232m², loại đất ĐM do UBND xã T, huyện T đăng ký và một phần đường, rạch.

Theo Tài liệu 02/CT-UB: Khu đất thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 15, xã T, huyện T.

Theo tài liệu bản đồ năm 2004: Khu đất thuộc thửa 35, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.011,5m², loại đất XD, do UBND phường L đăng ký.

3. Diễn biến xử lý vi phạm hành chính thu hồi khu đất:

Ngày 18/5/2017, UBND phường L vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 06/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thường trú: Xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình, trong đó xác định thời điểm vi phạm là *“Sau ngày 22 tháng 4 năm 2002 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004”*.

Ngày 19/5/2017, UBND phường L có Văn bản số 310/UBND về việc đề xuất xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị T.

Ngày 20/7/2017, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 4364/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thường trú: Xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình, đã có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở diện tích 96m² (đất lộ giới đường Q nay là Quốc lộ A), thuộc khu đất do Trường Đại học N1 tạm thời quản lý theo Quyết định số 5155/QĐ-UB ngày 26/11/2003 của UBND Thành phố H.

Không đồng ý, bà Nguyễn Thị T khởi kiện Quyết định số 4364/QĐ-KPHQ nêu trên tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết theo Bản án số 1501/2020/HC-ST ngày 15/9/2020, đã quyết định: *“Tuyên xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 4364/QĐ-KPHQ ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. ”* Và Bản án số 494/2022/HC-PT ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định: *“Tuyên xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 4364/QĐ-KPHQ ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T áp dụng biện pháp khắc phục*

hậu quả. ”

Căn cứ khoản 1 Điều 73, khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Ngày 28/5/2020, Chủ tịch UBND quận T đã ban hành Quyết định số 2895/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị T.

Chủ tịch UBND quận T nhận thấy đã thực hiện đúng quy định pháp luật, quy trình, thủ tục đối với việc ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi chiếm đất của bà Nguyễn Thị T đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và việc Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 2895/QĐ-CCXP ngày 28/5/2020 là quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 4364/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 là đúng quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND quận T đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2024/HC-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2895/QĐ-CCXP về “Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/4/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T đề nghị huỷ bản án sơ thẩm. Ngày 31/5/2024, bà T có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị huỷ một phần bản án và Quyết định số 2895/QĐ-CCXP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) Thành phố Hồ Chí Minh về “Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Văn X đại diện cho bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Nguyễn Văn X đại diện cho bà Nguyễn Thị T trình bày: Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông X xin hoãn phiên toà vì mang nhầm hồ sơ vụ án, ông thừa nhận là sự nhầm lẫn và sai sót của ông. Ông không có chứng cứ gì mới. Nội dung trình bày trong đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Phan Bá Thọ trình bày: Toà án cấp sơ thẩm xét xử đúng, đề nghị Hội đồng xét xử không

chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Dương Thành N trình bày: Thống nhất với ý kiến như ông T1 trình bày, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là người khởi kiện

Ông Nguyễn Văn X đại diện cho bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, ông đã có mặt tại phiên tòa. Đã qua phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, ông cho rằng mang nhầm hồ sơ và xin hoãn phiên tòa nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Quyết định số 4364 ngày 20/7/2017 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị T, bà T lấn chiếm đất của Trường Đại học N1 quản lý. Qua hai cấp xét xử, Bản án hành chính phúc thẩm số 494/2022/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu huỷ Quyết định số 4364 ngày 20/7/2017. Ngày 28/5/2020, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 2895/QĐ-CCXP về “Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” đối với bà Nguyễn Thị T để thi hành Quyết định số 4364/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 là đúng quy định. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 10/6/2020, bà Nguyễn Thị T khởi kiện Chủ tịch UBND thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định số 2895/QĐ-CCXP ngày 28/5/2020 về “Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị T”. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4364/QĐ- KPHQ ngày 20/7/2017 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị T, vụ kiện của bà T đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1501/2020/HC- ST ngày 15/9/2020 và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm vụ án tại Bản án hành chính phúc thẩm số 494/2022/HC-PT với quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Như vậy, vụ việc này của bà T đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông X đại diện cho bà T trình bày hiện bà T đang khiếu nại các bản án nói trên theo trình tự giám đốc thẩm nhưng hiện tại phía bà T không cung cấp được và Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa nhận được quyết định kháng nghị, quyết định hoãn, tạm đình chỉ thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật của người có thẩm quyền kháng nghị để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm theo quy định tại Điều 261 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để tạm đình chỉ giải quyết vụ kiện Quyết định số 2895/QĐ-CCXP ngày 28/5/2020 theo yêu cầu của phía bà T và không chấp nhận yêu cầu đo vẽ áp ranh thửa đất của ông X là có căn cứ.

[2.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định

Ngày 20/7/2017, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 4364/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị T. Hết thời hạn tự nguyện thi hành quyết định nói trên, bà T vẫn không thi hành nên Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 2895/QĐ-CCXP ngày 28/5/2020 “Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” đối với bà Nguyễn Thị T để thi hành Quyết định số 4364/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 nói trên.

Căn cứ Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Điều 5 và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 2895/QĐ-CCXP ngày 28/5/2020 đúng quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

[2.3] Về nội dung:

Ngày 20/7/2017, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 4364/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thường trú: Xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình, do bà T đã có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở diện tích 96m², thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 15 (theo tài liệu năm 2004), phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (đất lộ giới đường Quốc lộ 1A nay là Quốc lộ A), thuộc khu đất do Trường Đại học N1 tạm thời quản lý theo Quyết định số 5155/QĐ-UB ngày 26/11/2003 của UBND Thành phố H. Biện pháp để khắc phục hậu quả: Buộc bà Nguyễn Thị T khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm. Vì bà

T không thi hành quyết định trên nên Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 2895/QĐ-CCXP ngày 28/5/2020 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị T để thi hành Quyết định số 4364/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm: Buộc bà Nguyễn Thị T khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm, diện tích 96m². Quyết định số 2895/QĐ-CCXP ngày 28/5/2020 của Chủ tịch UBND quận T được ban hành đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Bà T kháng cáo không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bà T có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí. Bà T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, do đó Hội đồng xét xử miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà T, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà T phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 2 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020;

Căn cứ Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T. Chấp nhận đơn xin miễn án phí của bà Nguyễn Thị T;

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2024/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về án phí, cụ thể như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2895/QĐ-CCXP về “Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Bà T được miễn án phí.

H lại cho bà Thông số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0091849 ngày 22/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu (An - Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương